

**PHƯỜNG NAM**

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. An Hội Tây, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017****PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã số phiếu: 265188

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP SX – TM DV XUẤT NHẬP KHẨU INDIRA GANDHI  
Địa chỉ: Số 2, đường Xa Lộ Trường Sơn, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Phân loại mẫu : Nước thải sau HTXL tại hồ gas đầu nối số 2 (MHM: 2604302)
3. Ngày lấy mẫu : 04/04/2026
4. Thời gian thử nghiệm : 04/04/2026 – 16/04/2026
5. Ngày trả kết quả : 16/04/2026

| STT | Chỉ tiêu                         | Đơn vị          | Kết quả               | QCVN<br>40:2011/BTNMT<br>Giá trị C, cột B | Tên/số hiệu<br>phương pháp<br>sử dụng |
|-----|----------------------------------|-----------------|-----------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------|
| 1   | pH                               | -               | 6,66                  | 5,5 – 9                                   | TCVN 6492:2011                        |
| 2   | TSS                              | mg/L            | 64                    | 100                                       | TCVN 6625:2000                        |
| 3   | BOD <sub>5</sub> (20°C)          | mg/L            | 30                    | 50                                        | SMEWW 5210B:2023                      |
| 4   | COD                              | mg/L            | 74                    | 150                                       | SMEWW 5220C:2023                      |
| 5   | N – NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> | mg/L            | 5,6                   | 10                                        | TCVN 5988:1995                        |
| 6   | Tổng Nitơ                        | mg/L            | 21,3                  | 40                                        | TCVN 6638:2000                        |
| 7   | Tổng Photpho                     | mg/L            | 1,1                   | 6                                         | SMEWW<br>4500-P.B&E:2023              |
| 8   | Clo dư                           | mg/L            | KPH<br>(LOD=0,03)     | 2                                         | TCVN 6225-2:2021                      |
| 9   | Độ màu (pH=7)                    | mg/L            | 37                    | 150                                       | SMEWW 2120C:2023                      |
| 10  | Tổng dầu mỡ khoáng               | mg/L            | KPH (LOD=1)           | 10                                        | SMEWW 5520B&F:2023                    |
| 11  | Coliform                         | MPN<br>/ 100 ml | 2,6 x 10 <sup>3</sup> | 5.000                                     | SMEWW 9221B:2023                      |

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy

Nguyễn Thị Ngọc Báu

**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu thông tin mẫu, bảo lưu mẫu và giải quyết khiếu nại (nếu có) : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- KPH. Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện;
- QCVN 40:2011/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp